TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2018/DS-PT
Ngày: 21 - 5 - 2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Dễ – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2018/TLPT- DS ngày 19 tháng 01 năm 2018 về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2017/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Lê Kim N, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Ấp Kinh 3,thị trấn RG, huyện NH, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Ông Trần Văn N, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Ấp Kinh 3,thị trấn RG, huyện NH, tỉnh Cà Mau (vắng mặt); có ủy quyền cho bà Lê Kim N đại diện tham gia tố tụng (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/11/2017).

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn TVT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có: Bà Lê Bảo C, sinh năm: 1974; địa chỉ cư trú: Số 94C, đường QT, khóm 5, phường 5, thành phố CM, tỉnh Cà Mau; (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/4/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Lê Kim Đ, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn TVT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/4/2018; có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/4/2018.

2. Ông Lê Chí V, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Số 270, đường THĐ, khóm 8, phường 5, thành phố CM, tỉnh Cà Mau, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/4/2018.

3. Ông Đinh Xuân L, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Đường số 6, khóm 3, phường 9, thành phố CM, tỉnh Cà Mau, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/5/2018.

- *Người kháng cáo*: Bà Lê Thị Mỹ T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn N và bà Lê Kim N: Bản án dân sự phúc thẩm số 73/2014/DS-PT ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã xử: Buộc ông Trần Văn N và bà Lê Kim N trả khoản tiền tương đương giá trị tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng cho bà Lê Thị Mỹ T. Do Bản án phúc thẩm có hiệu lực, ngày 06/01/2015 ông Trần Văn N, bà Lê Kim N đã thỏa thuận trả cho bà T 50.000.000 đồng để thi hành bản án, bà T có làm biên nhận. Sau đó, Quyết định giám đốc thẩm số 236/2016/DS-GĐT ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử: Hủy Bản án phúc thẩm số 73/2014/DS-PT ngày 03/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và Bản án sơ thẩm số 71/2013/DS-ST ngày 09/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật. Vì bản án phúc thẩm đã bị hủy, ông Trần Văn N và bà Lê Kim N yêu cầu bà Lê Thị Mỹ T trả lại ông, bà số tiền 50.000.000 đồng.

Ý kiến trình bày của bị đơn bà Lê Thị Mỹ T: Tại bản án phúc thẩm số 73/2014/DS-PT ngày 03/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau tuyên: Buộc bà Lê Kim Đ trả cho bà Lê Thị Mỹ T 100.000.000 đồng. Buộc ông Trần Văn N, bà Lê Kim N trả khoản tiền tương đương giá trị tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng cho bà Lê Thị Mỹ T. Căn cứ theo án phúc thẩm, ngày 06/01/2015 ông Trần Văn N và bà Lê Kim N đã thỏa thuận bồi thường tiền đặt cọc cho bà T, nhưng do tình nghĩa bà T chỉ nhận 50.000.000 đồng. Sau khi có Quyết định giám đốc thẩm số 236/2016/DS-GĐT ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy cả hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm, ông Trần Văn N và bà Lê Kim N yêu cầu bà T trả lại số tiền 50.000.000 đồng, bà không đồng ý.

Đối với tranh chấp về chuyển nhượng quyền sử dụng đất có đặt cọc giữa bà T với ông V án đã bị hủy để xét xử lại theo quy định. Nhưng bà T với ông N, bà N đã thực hiện chuyển nhượng xong phần đất thuộc quyền sử dụng của ông N, bà N nên bà T rút lại toàn bộ toàn bộ yêu cầu khởi kiện ban đầu, không yêu cầu Tòa án xem xét và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Ý kiến trình bày của bà Lê Kim Đ: Ngày 07/6/2013 bà Lê Kim N có điện nhờ bà Đ gặp ông Đinh Xuân L nhận giùm bà N 100.000.000 đồng tiền đặt cọc. Bà Đ có gặp trực tiếp ông L để nhận tiền và có viết biên nhận.

Ý kiến trình bày của ông Lê Chí V: Giao kết để chuyển nhượng quyền sử dụng đất là giữa bà T với ông L, ông V không có chuyển nhượng đất cho bà T nên ông V không có lỗi trong vụ việc này.

Từ nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số: 113/2017/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn N, bà Lê Kim N. Buộc bà Lê Thị Mỹ T có trách nhiệm trả cho ông N, bà N số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ T về tranh chấp "*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*".

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, bị đơn bà Lê Thị Mỹ T nộp đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy án sơ thẩm để bà được khởi kiện lại từ đầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy án để bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết lại vụ án từ đầu.

Nguyên đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Mỹ T; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 113/2017/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ vụ án bà Lê Thị Mỹ T khởi kiện ông Lê Chí V, bà Lê Kim Đ đòi lại 100.000.000 đồng tiền đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu phạt cọc 100.000.000 đồng có liên quan đối với ông Trần Văn N, bà Lê Kim N, ông Đinh Xuân L.

Năm 2013 Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý vụ án "*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*". Tại bản án sơ thẩm số 71/2013/DS-ST ngày 09/12/2013 của Tòa án nhân dân hyện Trần Văn Thời xét xử buộc ông Lê Chí V trả cho bà Lê Thị Mỹ T số tiền là 200.000.000 đồng. Ông V có kháng cáo, Bản án phúc thẩm số 73/2014/DS-PT ngày 03/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử buộc bà Lê Kim Đ trả cho bà Lê Thị Mỹ T 100.000.000 đồng tiền cọc; buộc ông Trần Văn N, bà Lê Kim N trả cho bà Lê Thị Mỹ T khoản tiền tương đương giá trị tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng.

Khi Bản án phúc thẩm có hiệu lực, ngày 06/01/2015 ông Trần Văn N, bà Lê Kim N thỏa thuận thi hành bản án, giao trả bà T số tiền 50.000.000 đồng và đồng ý chuyển nhượng phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông N, bà N cho bà T. Ngày 28/9/2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định giám đốc thẩm số 236/2016/DS-GĐT tuyên xử hủy Bản án phúc thẩm số

73/2014/DS-PT ngày 03/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và Bản án sơ thẩm số 71/2013/DS-ST ngày 09/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/01/2017, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý lại vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T với bị đơn ông Lê Chí V, bà Lê Kim Đ, người liên quan ông Trần Văn N, bà Lê Kim N, ông Đinh Xuân L. Do bà T đã thực hiện xong việc chuyển nhượng một phần diện tích đất của ông N, bà N và đã nhận từ ông N, bà N 50.000.000 đồng tiền phạt cọc theo bản án phúc thẩm số 73/2014/DS-PT ngày 03/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, nên ngày 23/02/2017 bà T có đơn rút toàn bộ nội dung, yêu cầu khởi kiện. Ông V, bà Đ đồng ý việc rút khởi kiện của bà T. Ngày 11/4/2017 ông N, bà N có đơn yêu cầu độc lập đòi bà T trả lại số tiền 50.000.000 đồng. Bà T không đồng ý theo yêu cầu bà N, ông N.

Việc bà T rút toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện, ông N và bà N yêu cầu bà T trả lại 50.000.000 đồng, án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản và xác định tư cách tố tụng của ông N, bà N là nguyên đơn, bà T là bị đơn trong vụ án là đúng quy định khoản 2 Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T có đơn và tại phiên tòa sơ thẩm đều xác định tự nguyện rút toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện, thừa nhận có nhận của ông N, bà N 50.000.000 đồng tiền thi hành bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và hiện tại đã thực hiện xong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông N, bà N. Án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà T; chấp nhận yêu cầu của ông N, bà N buộc bà T trả lại ông N, bà N số tiền là 50.000.000 đồng là có căn cứ đúng pháp luật. Bởi lẽ, bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã bị cấp giám đốc thẩm hủy án, nên bà N không có nghĩa vụ trả tiền cho bà T, trong trường hợp này việc nhận tiền của bà T là không có căn cứ pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn và lời trình bày, tranh luận của đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết lại vụ án với lý do: Làm rõ số tiền 50.000.000 đồng bà N, ông N giao cho bà T có phải là tiền thi hành bản án phúc thẩm số 73/2014/DS-PT ngày 03/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau hay là tiền liên quan Đ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông N, bà N với bà T. Đồng thời, do bà T không hiểu biết pháp luật nên rút yêu cầu khởi kiện, đề nghị hủy án để bà T yêu cầu giải quyết lại vụ án từ đầu.

Hội đồng xét xử thấy rằng, tại phiên tòa phúc thẩm bà N và bà T khai nhận thống nhất nhau về việc thỏa thuận thi hành bản án giữa các bên đương sự, không thông qua thủ tục tại cơ quan thi hành án. Điều này phù hợp với biên nhận nhận tiền có chữ ký của bà T ngày 06/01/2015 thể hiện rõ nội dung "*Tiền thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau qua sự thỏa thuận*". Do đó, có cơ sở xác định số tiền này không liên quan việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên lý do đề nghị hủy án là không chính đáng, không được chấp nhận.

Đối với việc rút yêu cầu khởi kiện của bà T, nếu bà cho rằng quyền lợi bị thiệt hại thì có quyền khởi kiện lại thành vụ kiện khác theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Từ nhận định trên, xét thấy người kháng cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở nên kháng cáo không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử đối với các bên đương sự.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Mỹ T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 113/2017/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn N và bà Lê Kim N. Buộc bà Lê Thị Mỹ T phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn N và bà Lê Kim N số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ T về tranh chấp "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Án phí phúc thẩm bà Lê Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, tại biên lai số 0007672 ngày 25/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trọng Nhân